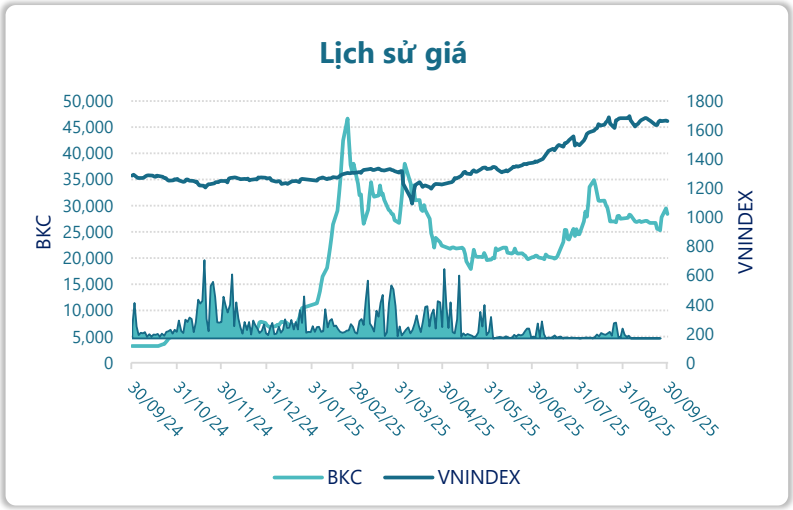
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	23,475,456
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,755
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	667
P/E	8.2
EPS	3,464

DT thuần

Q3/25

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.9| 39.1%

YoY: ▼30.0| -17.8%

LN sau thuế

Q3/25

38.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0| 262%

YoY: ▲ 19.6| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

37.0%

+/- YoY: ▲ 20.1%

DT thuần

9T 2025

258

tỷ VNĐ

YoY: ▼71.0| -21.6%

LN sau thuế

9T 2025

51.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.4| 125%

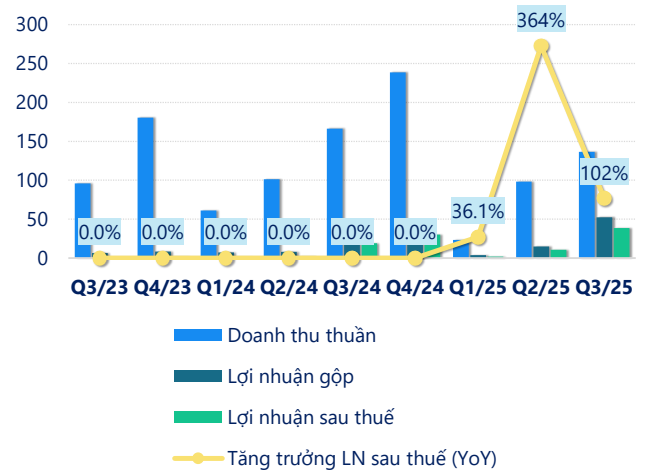
ROE

Q3/25

30.8%

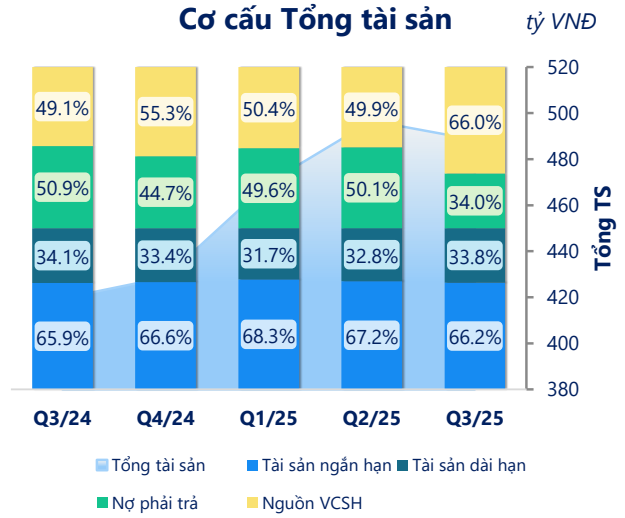
+/- YoY: ▲ 18.0%

Kết quả kinh doanh



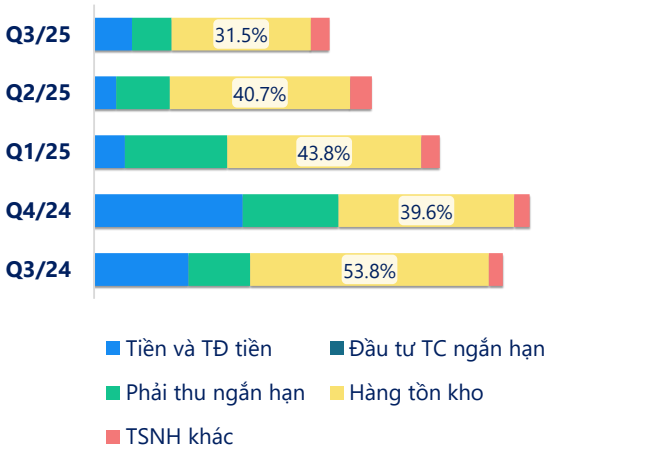
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



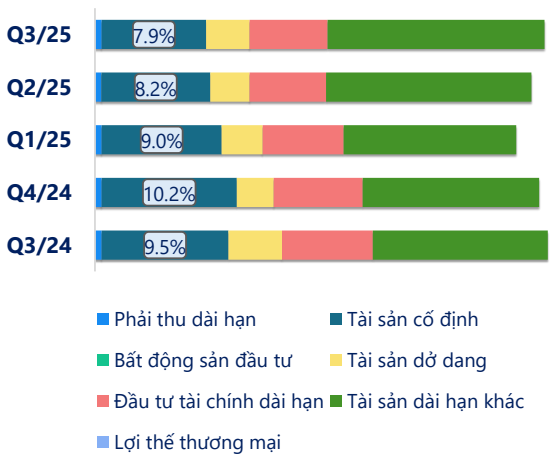
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



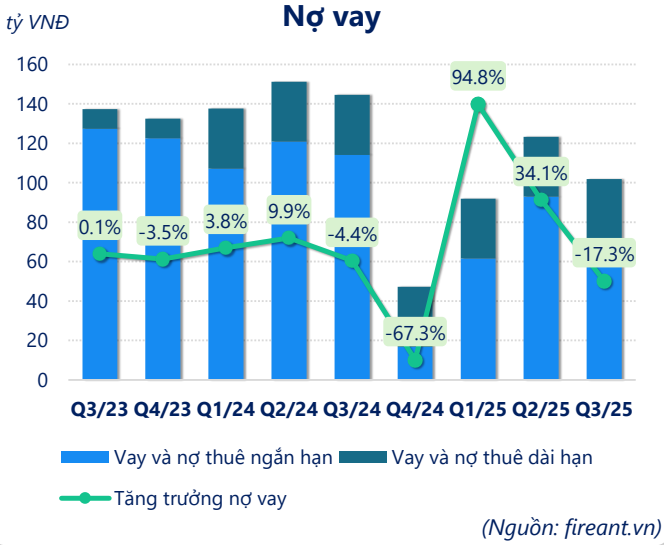
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



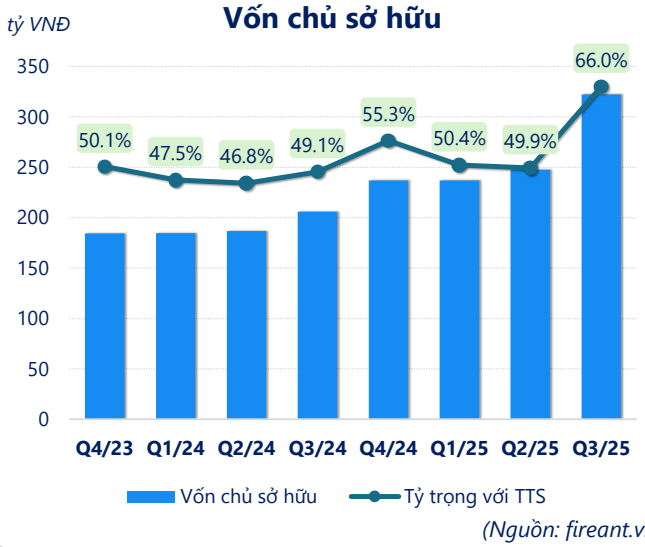
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



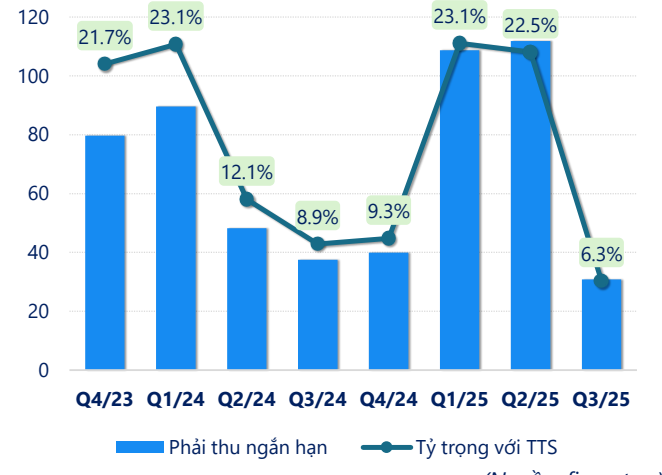
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



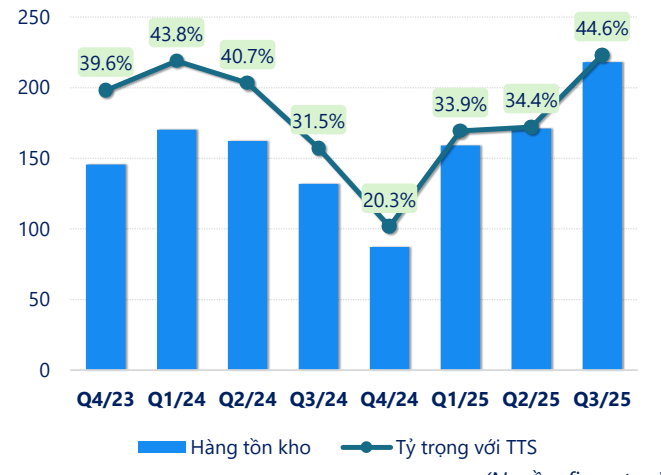
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



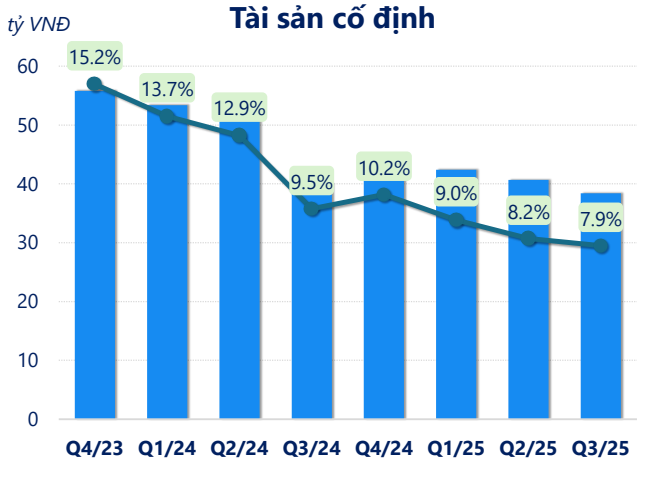
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



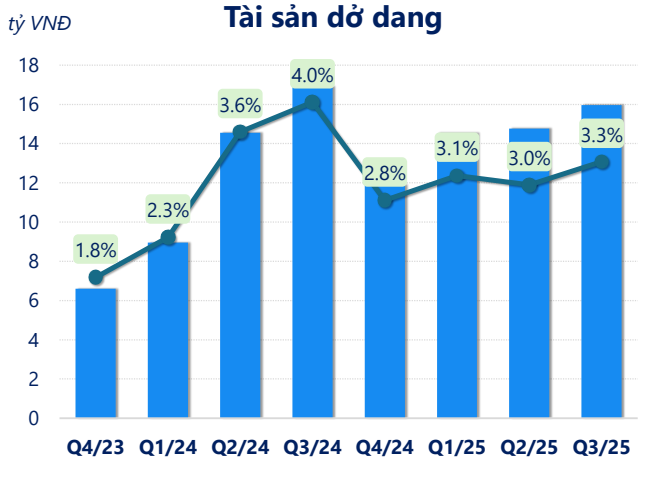
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



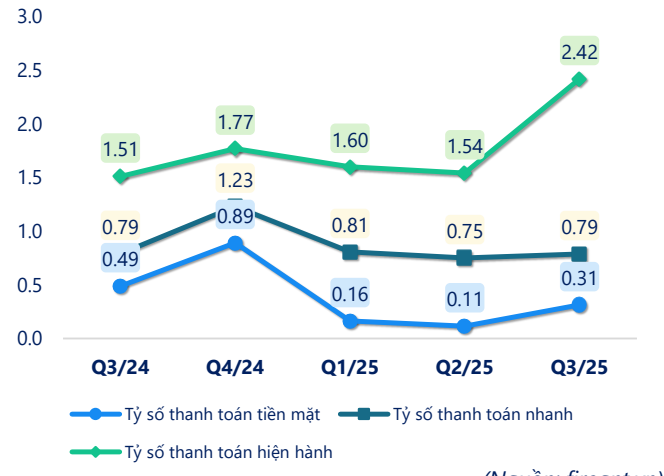
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



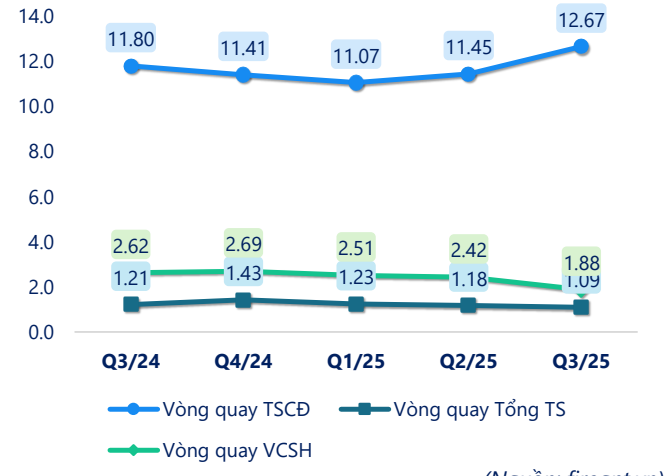
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**420**	**429**	**470**	**497**	**488**
Tài sản ngắn hạn	**277**	**285**	**321**	**334**	**323**
Tiền và tương đương tiền	89.5	144	32.8	24.9	41.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.5	40.0	109	112	30.9
Hàng tồn kho	132	87.1	159	171	218
Tài sản ngắn hạn khác	17.7	14.6	20.3	25.8	32.7
Tài sản dài hạn	**143**	**143**	**149**	**163**	**165**
Phải thu dài hạn	2.14	2.14	2.39	2.39	2.44
Tài sản cố định	40.0	43.6	42.4	40.6	38.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.9	11.9	14.5	14.8	16.0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.7	28.7	28.6	28.6	28.6
Tài sản dài hạn khác	55.2	56.8	61.0	76.7	79.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**214**	**192**	**233**	**249**	**166**
Nợ ngắn hạn	**183**	**161**	**200**	**217**	**134**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	114	16.8	61.5	92.9	71.5
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	93.6	90.0	88.7	21.6
Nợ dài hạn	30.4	30.4	32.4	32.4	32.4
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	30.4	30.4	30.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**206**	**237**	**237**	**248**	**322**
Vốn chủ sở hữu	**206**	**237**	**237**	**248**	**322**
Vốn điều lệ	117	117	117	117	271
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)